GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 11 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000567

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Nguyễn Xuân Trường	Ngày đề nghị: Request Date: 11/08/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 11/11/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason: Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.0010	Dầu máy nén khí	Roto-Xtend Duty Fluid/Atlascopco	Lít	Vật tư dự phòng máy nén khí	1 000.00	0	1 000	720	1 000.00	Bảo dưỡng 8000h các máy nén khí vận chuyển, bổ sung dầu các máy nén khí
2	0207.01.0001	Phin dầu thô máy nén khí vận chuyển	1624184409(DD/DDP780-3150F) Atlas copco	chiếc	Vật tư dự phòng máy sấy khí nén vận chuyển	100.00	50	50	0	100.00	
3	0207.01.0002	Phin dầu tinh máy nén khí vận chuyển	1624184407(DD/DDP780-3150F) Atlas copco	chiếc	Vật tư dự phòng máy sấy khí nén vận chuyển	50.00	25	25	0	50.00	
4	0207.01.0003	Phin dầu thô máy nén khí đo lường	1624184303(DD/DDP+F) Atlas copco	chiếc	Vật tư dự phòng máy sấy khí nén đo lường	10.00	3	7	2	10.00	
Cộng/ToTal						**1 160.00**	**78**	**1 082**		**1 160**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 29 tháng 7 năm 2020

Số: DN2000480

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Lê Trường Ca	Ngày đề nghị: 29/07/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 15/09/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ Accured out of plan

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	0309.01.0003	Cụm trục điều khiển van HP	BG200195 (1.4923)	Bộ	Dự phòng hệ thống van Bypass	1.00	0	1	0	1.00	Hãng BOMAFA
2	0309.01.0005	Cụm trục điều khiển cho van LP	BG200201	Bộ	nt	1.00	0	1	0	1.00	nt
3	0309.01.0009	Cụm trục điều khiển cho van điều khiển phun nước HP	DXXXX0010037 (SA 479 TP410)	Bộ	nt	1.00	0	1	0	1.00	nt
4	0309.01.0014	Cụm trục điều khiển cho van phun giảm ôn LP	DXXXX0010145	Bộ	nt	1.00	0	1	0	1.00	nt
5	0309.01.0016	Cụm trục điều kiển van chặn giảm ôn HP	DXXXX0019635	Bộ	nt	1.00	0	1	0	1.00	nt
6	0309.01.0006	Bộ ống lót ngoài cho van LP	20001551	Bộ	nt	1.00	0	1	0	1.00	nt
7	0309.01.0004	Bộ ống lót điều chỉnh lưu lượng van HP	20001521 (1.4923)	Bộ	nt	1.00	0	1	0	1.00	nt
8	0309.01.0007	Bộ ống lót điều chỉnh lưu lượng van LP	20001545	Bộ	nt	1.00	0	1	0	1.00	nt
9	0309.01.0010	Bộ ống lót điều chỉnh van chặn HP	DXXXX0010710	Bộ	nt	1.00	0	1	0	1.00	nt
10	0309.01.0008	Bạc lót van điều khiển phun giảm ôn HP	DXXXX0010043 (SA 479 TP410)	Cái	nt	1.00	0	1	0	1.00	nt

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
11	0309.01.0011	Bạc lót van chặn trước van giảm ôn HP	DXXXX0010711: SA 479 F1	Cái	nt	1.00	0	1	0	1.00	nt
12	0309.01.0012	Bộ trục chính điều khiển van chặn HP	DXXXX0010712;DXXXX0010713;DXXXX0010714;DXXXX0010715; DXXXX0010737	Bộ	nt	1.00	0	1	0	1.00	nt
13	0309.01.0013	Bộ bạc lót van phun giảm ôn LP	DXXXX0010146, SA 106 Gr.B	Bộ	nt	1.00	0	1	0	1.00	nt
14	0309.01.0015	Bộ bạc lót van chặn giảm ôn LP	DXXXX0019634	Bộ	nt	1.00	0	1	0	1.00	nt
15	0309.01.0002	Bơm dầu	PG-H-BG-005	Cái	nt	1.00	0	1	0	1.00	Bổ sung đơn hàng số 1
Cộng/ToTal						**15.00**	**0**	**15**		**15**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 6 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000560

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Đồng Văn Đủ	Ngày đề nghị: 06/08/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 06/09/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ Accured out of plan

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1101.01.0948	Máy vát mép ống	Vát mép ống ID: 23-52, chạy điện	cái	Sửa chữa ống lò hơi và đường ống khác	1.00	0	1	0	1.00	
2	1002.02.0006	Phớt	35x45x7-FPM, D46x3.5-FKM	Bộ	Sửa chữa xi lanh xúc lật nhỏ LG307	1.00	0	1	0	1.00	
Cộng/ToTal						**2.00**	**0**	**2**		**2**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 11 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000568

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Nguyễn Xuân Trường	Ngày đề nghị: 11/08/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 25/09/2020 Receive date

Loại hàng hóa: Products type :	Vật tư Equipments	☐	Phụ tùng Accessories	☐	Công cụ dụng cụ Tools	☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason	Sửa chữa sự cố : Troubleshooting	☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories :	☐	Đầu tư bổ sung	☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form			Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan	☐			Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.0447	Dầu thủy lực	X32	Lít	Khớp nối thủy lực quạt khói, gầu vận thăng, băng tải ngang thải xỉ lò 1, lò 2	1 045.00	1 045	0	627	1 045.00	
2	1201.02.0204	Dầu bôi trơn	(Mobil SHC 639)	Lít	Bộ sấy không khí lò 1, lò 2	209.00	0	209	80	209.00	
3	1201.02.0171	Mỡ bôi trơn	Castrol Spheerol EPL2	Kg	Bảo dưỡng, thay thế gối vòng bi các thiết bị quay các chuyên ngành sửa chữa	360.00	180	180	360	360.00	
Cộng/ToTal						**1 614.00**	**1 225**	**389**		**1 614**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 11 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000569

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Nguyễn Xuân Trường	Ngày đề nghị: Request Date: 11/08/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 11/09/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư / Equipments ☐	Phụ tùng / Accessories ☐	Công cụ dụng cụ / Tools ☐	Dịch vụ / Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason: Sửa chữa sự cố : / Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : / Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao / Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1401.01.0413	Thép tấm	XAR 450, 10x2000x6000mm	m2	Hàn gia cố các phễu máy cấp than, băng tải ngang, gầu vận thăng..	24.00	12	12	0	24.00	Cần gấp sửa chữa lò 1 (Thời gian dự kiến 15/9/2020)
2	1201.02.0729	Thép tấm	Steel plate PL20x2000x6000, Q345	m2	Gia công tấm đè xích máy cấp than	24.00	24	0	12	24.00	Cần gấp sửa chữa lò 1 (Thời gian dự kiến 15/9/2020)
3	1201.02.0948	Thép hình	I100x55x4,5x6000mm	M	Gia công sàn thao tác máy cấp than ,Van gió đầu đẩy quạt khói lò 1, lò 2	120.00	100	20	0	120.00	
4	1201.02.0949	Thép hình	I120x64x4,8x6000mm	M	Dùng chung gia công đồ gá sửa chữa	24.00	0	24	0	24.00	
5	1201.02.0950	Thép hình	U100x46x4,5x6000mm	M	Gia công sàn thao tác máy cấp than ,Van gió đầu đẩy quạt khói lò 1, lò 2	120.00	100	20	0	120.00	
6	1401.01.0318	Thép hình	U120x52x4,8x6000mm	m	Dùng chung gia công đồ gá sửa chữa	24.00	0	24	0	24.00	
7	1201.02.0946	Tấm sàn grating mạ kẽm	1000x1000x35 mm	Tấm	Gia công sàn thao tác máy cấp than ,Van gió đầu đẩy quạt khói lò 1, lò 2	40.00	32	8	0	40.00	
8	1401.01.0825	Cút 45°	SUS 310, Ø630x6mm	Cái	Vật tư dự phòng ống gió thứ cấp lò 1, lò 2	8.00	0	8	0	8.00	Cần gấp sửa chữa lò 1 (Thời gian dự kiến 15/9/2020)
9	1401.01.0826	Ống thép	Inox SUS 304, Ø273x5mm	M	Vật tư dự phòng đường hút âm máy làm mát xỉ lò 1, lò 2	12.00	0	12	0	12.00	Cần gấp sửa chữa lò 1 (Thời gian dự kiến 15/9/2020)

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
10	1401.01.0827	Cút 45°	SUS 304, Ø273x5mm	Cái	Vật tư dự phòng đường hút âm máy làm mát xỉ lò 1, lò 2	6.00	3	3	0	6.00	Cần gấp sửa chữa lò 1 (Thời gian dự kiến 15/9/2020)
11	1401.01.0828	Cút 90°	SUS 304, Ø273x5mm	Cái	Vật tư dự phòng đường hút âm máy làm mát xỉ lò 1, lò 2	12.00	6	6	0	12.00	Cần gấp sửa chữa lò 1 (Thời gian dự kiến 15/9/2020)
12	1201.02.1417	Thép tròn	Inox SUS 310, Ø6mm	M	Gia công râu, lưới đắp vật liệu chịu nhiệt lò hơi	200.00	0	200	0	200.00	Cần gấp sửa chữa lò 1 (Thời gian dự kiến 15/9/2020)
13	1201.02.1418	Thép tròn	Inox SUS 310, Ø8mm	M	Gia công râu, lưới đắp vật liệu chịu nhiệt lò hơi	100.00	0	100	0	100.00	Cần gấp sửa chữa lò 1 (Thời gian dự kiến 15/9/2020)
14	1201.02.1419	Thép góc	Inox 310, V50x50x5x6000mm	M	Tăng cứng, chống rung giàn ống quá nhiệt EHE lò 1, lò 2	36.00	12	24	0	36.00	Cần gấp sửa chữa lò 1 (Thời gian dự kiến 15/9/2020)
15	1201.02.1421	Thép tấm	Inox SUS 310S, dầy 3mm	M2	Phòng mòn đường ống đuôi lò 1, lò 2	18.00	9	9	0	18.00	Cần gấp sửa chữa lò 1 (Thời gian dự kiến 15/9/2020)
16	1201.02.1422	Thép tấm	Inox SUS 310S, dầy 2mm	M2	Phòng mòn đường ống đuôi lò 1, lò 2	12.00	0	12	0	12.00	Cần gấp sửa chữa lò 1 (Thời gian dự kiến 15/9/2020)
Cộng/ToTal						**780.00**	**298**	**482**		**780**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 11 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000573

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Nguyễn Xuân Trường	Ngày đề nghị: 11/08/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 11/10/2020 Receive date

Loại hàng hóa: Products type :	Vật tư Equipments	☐	Phụ tùng Accessories	☐	Công cụ dụng cụ Tools	☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason	Sửa chữa sự cố : Troubleshooting	☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories :	☐	Đầu tư bổ sung	☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form			Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan	☐			Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1401.01.0829	Ống	SUS 310S, Ø273x14mm (Bản vẽ YNSL.LGTM.BZT.1.2-WT)	Cái	Vật tư dự phòng máy làm mát xỉ lò 1, lò 2	4.00	0	4	0	4.00	Gia công theo bản vẽ
2	1401.01.0830	Ống	SUS 310S, Ø273x14mm (Bản vẽ YNSL.LGTM.BZT.1.4-WT)	Cái	Vật tư dự phòng máy làm mát xỉ lò 1, lò 2	4.00	0	4	0	4.00	Gia công theo bản vẽ
3	1401.01.0833	Khớp giãn nở	Type:LGTM-23, serial no: LZJ1606040 (Bản vẽ YNSL.LGTM.BZT.1.3-WT)	Cái	Vật tư dự phòng máy làm mát xỉ lò 1, lò 2	2.00	0	2	0	2.00	Gia công theo bản vẽ
Cộng/ToTal						**10.00**	**0**	**10**		**10**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000576

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Đồng Văn Đủ	Ngày đề nghị: 12/08/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 12/09/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ Accured out of plan

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	0203.01.0062	Tấm ốp	No. 01, DR: TAPM-001, SA-240M 310 S	Cái	Thay thế tấm ốp phòng mòn đường ống treo đuôi lò	500.00	300	200	0	500.00	Thay thế tấm ốp phòng mòn đường ống treo đuôi lò
2	0203.01.0063	Tấm ốp	No. 06, DR: 541-0313-1-0, SA-240M 310S	Cái	Thay thế tấm ốp phòng mòn đường ống quá nhiệt tường phải, trái đuôi lò	20.00	5	15	0	20.00	Thay thế tấm ốp phòng mòn đường ống treo đuôi lò
3	0203.01.0064	Tấm ốp	No. 07, DR: 541-0313-1-0, SA-240M 310S	Cái	Thay thế tấm ốp phòng mòn đường ống quá nhiệt tường phải, trái đuôi lò	40.00	10	30	0	40.00	Thay thế tấm ốp phòng mòn đường ống quá nhiệt tường phải, trái đuôi lò
4	0203.01.0065	Tấm ốp	No. 08, DR: 541-0313-1-0, SA-240M 310S	Cái	Thay thế tấm ốp phòng mòn đường ống quá nhiệt tường phải, trái đuôi lò	20.00	5	15	0	20.00	Thay thế tấm ốp phòng mòn đường ống quá nhiệt tường phải, trái đuôi lò
5	0203.01.0066	Tấm ốp	No. 09, DR: 541-0313-1-0, SA-240M 310S	Cái	Thay thế tấm ốp phòng mòn đường ống quá nhiệt tường phải, trái đuôi lò	20.00	5	15	0	20.00	Thay thế tấm ốp phòng mòn đường ống quá nhiệt tường phải, trái đuôi lò

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
6	0203.01.0067	Tấm ốp	No. 10, DR: 541-0313-1-0, SA-240M 310S	Cái	Thay thế tấm ốp phòng mòn đường ống quá nhiệt tường phải, trái đuôi lò	50.00	10	40	0	50.00	Thay thế tấm ốp phòng mòn đường ống quá nhiệt tường phải, trái đuôi lò
Cộng/ToTal						**650.00**	**335**	**315**		**650**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000577

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Đồng Văn Đủ	Ngày đề nghị: 12/08/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 12/09/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ Accured out of plan

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.0527	Que hàn	Welding electrode J421, ϕ2.5	kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	20.00	20	0	30	20.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
2	1201.02.0140	Que hàn	Welding electrode J421, ϕ3.2	kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	80.00	70	10	65	80.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
3	1201.02.0135	Que hàn	Welding electrode J421, ϕ4.0	kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	60.00	50	10	70	60.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
4	1201.02.1436	Que hàn	E7016, Ø3.2	Kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	200.00	150	50	0	200.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
5	1201.02.1437	Que hàn	E7016, Ø4.0	Kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	150.00	100	50	0	150.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
6	1201.02.1410	Que hàn	E8016-B2, Ø3.2	Kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	40.00	20	20	0	40.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
7	1201.02.0530	Que hàn	Welding electrode E308-16, ϕ3.2	kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	200.00	80	120	25	200.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
8	1201.02.0937	Que hàn	Welding electrode E308-16, Ø4.0	Kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	100.00	80	20	10	100.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
9	1201.02.1438	Que hàn	E309L-16, Ø3.2	Kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	160.00	60	100	0	160.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
10	1201.02.1439	Que hàn	E309L-16, Ø4.0	Kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	100.00	50	50	0	100.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
11	1201.02.0593	Que hàn	Welding electrode E310-16, Ø3.2	kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	60.00	20	40	10	60.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
12	1201.02.0939	Que hàn	Welding electrode E310-16, Ø4.0	Kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	40.00	40	0	30	40.00	Vật tư tiêu hao dùng chung

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
13	1201.02.0594	Que hàn	Welding electrode E316L-16, Ø3.2	kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	20.00	20	0	40	20.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
14	1201.02.1440	Que hàn TIG	ER70S-6, Ø2.4	Kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	50.00	20	30	0	50.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
15	1201.02.1441	Que hàn TIG	ER308L, Ø2.4	Kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	50.00	40	10	0	50.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
16	1201.02.1442	Que hàn TIG	ER309L, Ø2.4	Kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	50.00	20	30	0	50.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
17	1201.02.1402	Que hàn TIG	Welding wire ER310, Ø2.4	Kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	50.00	40	10	15	50.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
18	1201.02.1443	Que hàn TIG	ER316L, Ø2.4	Kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	20.00	10	10	0	20.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
19	1201.02.0943	Que hàn TIG	Welding wire ER2209, Ø2.5	Kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	10.00	10	0	10	10.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
20	1201.02.0941	Que hàn	Welding electrode E2209, Ø3.2	Kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	20.00	5	15	5	20.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
21	1201.02.0942	Que hàn	Welding electrode E2209, Ø4.0	Kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	20.00	5	15	0	20.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
22	1201.02.1425	Que hàn	253MA, Ø3.2	Kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	10.00	5	5	0	10.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
23	1201.02.1426	Que hàn	253MA, Ø4.0	Kg	Vật tư tiêu hao dùng chung	10.00	5	5	0	10.00	Vật tư tiêu hao dùng chung
Cộng/ToTal						**1 520.00**	**920**	**600**		**1 520**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000581

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Đồng Văn Đủ	Ngày đề nghị: Request Date: 13/08/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 13/09/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1001.01.0017	Bình ắc quy khô xúc lật	12V 100AH	Cái	Thay thế cho xe xúc lật	4.00	2	2	0	4.00	Thay thế cho xe xúc lật
2	1004.01.0056	Bình ắc quy	12V-120AH	Cái	Thay thế cho xe cơ giới	4.00	2	2	0	4.00	Thay thế cho xe xúc lật
Cộng/ToTal						**8.00**	**4**	**4**		**8**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000586

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Phạm Thị tuyết Mai	Ngày đề nghị: Request Date: 13/08/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 13/08/2020

Loại hàng hóa: Products type :	Vật tư Equipments	☐	Phụ tùng Accessories	☐	Công cụ dụng cụ Tools	☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason	Sửa chữa sự cố : Troubleshooting	☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories :	☐	Đầu tư bổ sung	☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form			Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan	☐			Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.0490	Băng tan	0,075x15x10mm	Cuộn	Dùng chung	100.00	0	100	10	100.00	
2	1201.02.0370	Bao tải dứa	loại 50kg	Cái	nt	200.00	0	200	0	200.00	
3	1201.02.1394	Dây thít nhựa	4x300mm	Cái	nt	1 000.00	0	1 000	0	1 000.00	
4	1101.02.0722	Dây thít nhựa đen	5x250mm	Cái	nt	1 000.00	0	1 000	850	1 000.00	
5	1201.02.1258	Bìa cao áp	dày 3mm	m2	nt	8.05	0	8	0	8.05	
6	1201.02.0428	Chổi quét sơn	4inch	Cái	nt	100.00	0	100	0	100.00	
Cộng/ToTal						**2 408.05**	**0**	**2 408**		**2 408**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent